

Số: /BC-VP

An Giang, ngày tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính năm 2025; kết quả phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức (theo Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 11/8/2025); trách nhiệm giải trình với người dân (theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 19/9/2025) và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp năm 2026 (lĩnh vực Văn phòng UBND tỉnh phụ trách)

Thực hiện Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 19/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2025; đồng thời theo đề nghị tổng hợp báo cáo của Sở Nội vụ tại Công văn số 400/SNV-CCHC ngày 21/01/2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao chủ trì trong năm 2025 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp năm 2026 (lĩnh vực phụ trách), cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ, PHẠM VI VÀ NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO

1. Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh (nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), phát triển ứng dụng/dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức), trong đó Văn phòng UBND tỉnh được giao chủ trì:

- Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (tiêu chí 2.5).

- Xử lý PAKN về TTHC và công khai kết quả xử lý theo quy định (tiêu chí 2.7).

- Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC; thúc đẩy hồ sơ trực tuyến toàn trình; thanh toán trực tuyến (tiêu chí 2.15, 2.16, 2.17).

2. Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 19/9/2025 của UBND tỉnh (nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công - PAPI), Văn phòng UBND tỉnh được giao:

- Công khai/đề xuất chuẩn hóa TTHC, quy trình nội bộ, kết quả giải quyết; rà soát chuẩn hóa thành phần hồ sơ/quy trình trên Cổng DVC; theo dõi, đôn đốc, xử lý PAKN và đánh giá chất lượng giải quyết TTHC ở các nhóm lĩnh vực tác động trực tiếp.

- Phụ lục nhiệm vụ PAPI kèm Kế hoạch số 108/KH-UBND: Văn phòng UBND tỉnh chủ trì nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân” (mục 3.1) và các nhiệm vụ thuộc “Thủ tục hành chính công” (mục 5.1, 5.2, 5.3).

3. Số liệu, kết quả thực hiện: thống nhất sử dụng theo Báo cáo số 563/BC-UBND ngày 25/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2025 và Báo cáo số 570/BC-UBND ngày 25/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 12 năm 2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025 (LĨNH VỰC VĂN PHÒNG UBND TỈNH CHỦ TRÌ)

1. Kết quả cải cách thủ tục hành chính năm 2025 (kiểm soát TTHC; cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện TTHC trên môi trường điện tử)

1.1. Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC

- Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc việc đồng bộ, công khai TTHC trên Cổng DVC quốc gia và tiến độ/kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; phối hợp bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, bảo mật, an toàn thông tin, kết nối, đồng bộ dữ liệu về Cổng DVC quốc gia (theo tiêu chí 2.5).

- Kết quả chung năm 2025 (toàn tỉnh): tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo 392.496 hồ sơ, trong đó trực tuyến 373.504 hồ sơ, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 18.554 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết 381.417 hồ sơ (trước hạn 364.985, đúng hạn 12.478, quá hạn 3.954); hồ sơ đang giải quyết 11.079 (trong hạn 8.882, quá hạn 2.197).

1.2. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

- Theo tiêu chí 2.7 của Kế hoạch số 41/KH-UBND, Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, xử lý PAKN liên quan đến TTHC và công khai kết quả xử lý theo quy định.

- Kết quả chung năm 2025 (toàn tỉnh): đã tiếp nhận 1.559 PAKN; đã xử lý 1.415 PAKN và đăng tải công khai 1.415 PAKN; đang xử lý 114 PAKN (báo cáo năm 2025 tại Báo cáo số 563/BC-UBND). Tính đến thời điểm ban hành báo cáo này, 114 PAKN nêu trên đã được xử lý xong và công khai kết quả theo quy định.

1.3. Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC (Bộ chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg)

Căn cứ Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh về việc công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp

trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực năm 2025, kết quả như sau:

- Điểm tổng của tỉnh An Giang năm 2025: 94,90/100 điểm, **xếp hạng 5/34**, xếp loại Xuất sắc (thời điểm tổng hợp dữ liệu lúc 09 giờ 20 phút ngày 31/12/2025).

- Điểm theo từng nhóm chỉ số:

+ Công khai, minh bạch: 15,31/18 điểm (85,06%);

+ Tiến độ giải quyết: 19,42/20 điểm (97,10%);

+ Dịch vụ công trực tuyến: 12/12 điểm (100%);

+ Thanh toán trực tuyến: 9,81/10 điểm (98,10%);

+ Mức độ hài lòng: 17,87/18 điểm (99,28%);

+ Số hóa hồ sơ: 20,49/22 điểm (93,14%).

- Tổng hợp kết quả đánh giá chất lượng phục vụ theo thời gian thực của các cơ quan, đơn vị và địa phương năm 2025 (theo Quyết định số 766/QĐ-TTg; kèm Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 31/12/2025)

- Khối sở, ban, ngành cấp tỉnh: tổng 14 đơn vị; 12 xếp loại Xuất sắc, 02 xếp loại Tốt; tỷ lệ đơn vị xếp loại Tốt trở lên 100% đánh giá **Đạt**.

- Khối UBND xã, phường, đặc khu: tổng 102 đơn vị; 99 xếp loại Xuất sắc, 03 xếp loại Tốt; tỷ lệ đơn vị xếp loại Tốt trở lên 100% đánh giá **Đạt**.

- Tổng cộng: 116 đơn vị, trong đó 111 xếp loại Xuất sắc, 05 xếp loại Tốt.

1.4. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025

a) Về cắt giảm 30% điều kiện kinh doanh: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư, tỉnh tập trung rà soát, tổng hợp vướng mắc và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cắt giảm/đơn giản hóa theo quy định (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có thẩm quyền ban hành điều kiện kinh doanh). Trên địa bàn tỉnh An Giang không phát sinh việc ban hành hoặc áp dụng điều kiện kinh doanh trái thẩm quyền; các điều kiện kinh doanh được thực hiện thống nhất theo quy định của Trung ương. Do đó, tỉnh An Giang không thực hiện việc cắt giảm điều kiện kinh doanh, đồng thời bảo đảm không đặt thêm điều kiện, tiêu chí hoặc yêu cầu ngoài quy định của pháp luật.

b) Về cắt giảm 30% thời gian giải quyết TTHC: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 về công bố danh mục TTHC thực hiện giảm 30% thời gian giải quyết; đến ngày 15/12/2025, toàn tỉnh có 2.000 TTHC thuộc thẩm quyền các cấp chính quyền được áp dụng giảm thời gian giải quyết, cụ thể:

- Số lượng TTHC: 2.000 TTHC;

- Tổng số ngày giảm: 11.293,45 ngày

- Quy đổi ngày sang giờ (01 ngày bằng 8 giờ): 90.347,6 giờ
- Tổng chi phí tiết kiệm dự kiến (năm 2025: 01 giờ tương đương 53.907,299 đồng x số giờ cắt giảm): tiết kiệm: 4.870.395.087 đồng (hơn 4,8 tỷ).

c) Mọi TTHC liên quan đến doanh nghiệp được tổ chức thực hiện theo hình thức trực tuyến

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 về công bố danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình, một phần và danh mục TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến trên địa bàn tỉnh An Giang. Theo đó, tỉnh đã cung cấp 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, cụ thể:

- 2.154 TTHC cung cấp DVCTT (1.093 DVCTT toàn trình và 1.061 DVCTT một phần).
- 1.150 TTHC có đối tượng thực hiện liên quan đến doanh nghiệp.
- 1.848 TTHC thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và 401 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã.
- 123 TTHC có mức thu 0 đồng đối với phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khi thực hiện DVCTT trên địa bàn tỉnh An Giang theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025.
- 173 TTHC chưa phát sinh hồ sơ trong ba năm gần nhất.

1.5. Kết quả thực hiện các tỷ lệ theo Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP, Nghị quyết số 27/NQ-CP năm 2025 và Công văn số 476/VPCP-KSTT ngày 16/01/2025 của Văn phòng Chính phủ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2025	Tỷ lệ (%)	Kết quả hiện tại (đến ngày 24/12/2025)
1	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	80	99,95	ĐẠT
2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	60	90,22	ĐẠT
3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	%	60	84,15	ĐẠT
4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	%	80	89,72	ĐẠT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2025	Tỷ lệ (%)	Kết quả hiện tại (đến ngày 24/12/2025)
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	Tối thiểu 50	66,33	ĐẠT
6	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	Tối thiểu 90	95,53	ĐẠT
7	100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	%	100	100	ĐẠT
8	Mọi thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được tổ chức thực hiện theo hình thức trực tuyến, thông suốt, liền mạch, minh bạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ	%	100	100	ĐẠT
9	100% Bộ phận Một cửa thực hiện số hoá hồ sơ thủ tục hành chính trước khi giải quyết theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 04 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ	%	100	100	ĐẠT
10	Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của bộ, ngành, địa phương được đồng bộ đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	89,92	CHƯA ĐẠT
11	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	89,22	CHƯA ĐẠT
12	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100	95,52	CHƯA ĐẠT

Nguyên nhân 3 chỉ số chưa đạt (gồm: (10) đồng bộ kết quả xử lý hồ sơ; (11) cấp kết quả điện tử; (12) xử lý PAKN đúng hạn):

Khách quan: quy định TTHC thay đổi thường xuyên; sự chưa tương thích giữa các nền tảng công nghệ của Bộ, ngành Trung ương.

Chủ quan: một số cán bộ mới tiếp cận nhiệm vụ còn lúng túng khi thao tác phần mềm; công tác tuyên truyền đã triển khai nhưng hiệu quả chưa sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân.

Khó khăn về vận hành hệ thống và điều kiện bảo đảm: hệ thống/phần mềm chuyên ngành có thời điểm chậm, lỗi, mất kết nối; đồng bộ dữ liệu giữa Cổng tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia (DVCQG) đôi lúc chưa nhất quán; khối lượng hồ sơ tăng do biến động tổ chức, địa bàn và nhu cầu tiếp nhận hồ sơ tại cấp xã; hạn chế kỹ năng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức; thiếu thiết bị phục vụ số hóa.

2. Kết quả phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức (theo Kế hoạch số 41/KH-UBND)

2.1. Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa

- Mục tiêu Kế hoạch số 41/KH-UBND: tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC từ 80% trở lên; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa từ 50% trở lên; Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công) phối hợp tổ chức thực hiện.

- Kết quả đến 24/12/2025: tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC 89,72%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa 66,33%.

2.2. Thúc đẩy hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến

- Kế hoạch số 41/KH-UBND giao nhiệm vụ thúc đẩy tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và thực hiện thanh toán trực tuyến, trong đó Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công) là cơ quan phụ trách các tiêu chí thành phần tương ứng.

- Kết quả đến 24/12/2025 (563/BC-UBND):

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC: 84,15%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công: 90,22%.

+ Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục đủ điều kiện: 99,95%.

2.3. Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC

Kết quả đến 24/12/2025: mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp đạt 95,53%.

3. Kết quả thực hiện trách nhiệm giải trình với người dân (theo Kế hoạch số 108/KH-UBND và Phụ lục)

3.1. Thực hiện nhiệm vụ chủ trì về “Trách nhiệm giải trình với người dân”

Theo Phụ lục, Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể, HĐND tỉnh, Thanh tra tỉnh và UBND cấp xã hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai ở cơ sở; tham mưu UBND tỉnh thực hiện các giải pháp cải thiện chỉ số nội dung trong năm 2025.

3.2. Thực hiện nhóm nhiệm vụ “Thủ tục hành chính công” (PAPI)

- Tham mưu công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) sau khi công bố.

- Công khai kết quả giải quyết TTHC để người dân, tổ chức, doanh nghiệp tra cứu tình hình, kết quả giải quyết.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh.

3.3. Thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 108/KH-UBND (PAPI) do Văn phòng UBND tỉnh phụ trách

- Công khai, đề xuất chuẩn hóa TTHC, quy trình nội bộ giải quyết TTHC, kết quả giải quyết TTHC (ưu tiên lĩnh vực thu hút đầu tư, xây dựng, đất đai, chứng thực thuộc thẩm quyền UBND cấp xã).

- Rà soát, đánh giá, chuẩn hóa thành phần hồ sơ, các bước thực hiện trong quy trình giải quyết TTHC trên Cổng DVC trực tuyến (bỏ bước/bộ phận không liên quan trực tiếp).

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC; thực hiện đánh giá chất lượng giải quyết TTHC thuộc các nhóm lĩnh vực tác động trực tiếp.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ; NGUYÊN NHÂN

- Hạn chế về hệ thống, nền tảng dùng chung và kết nối dữ liệu: một số hệ thống/phần mềm chuyên ngành của bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời nâng cấp; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh còn hạn chế.

- Dữ liệu dùng chung (hộ kinh doanh, bảo trợ xã hội, dân cư) chưa đồng bộ, đầy đủ; lỗi kỹ thuật phần mềm: ảnh hưởng việc khai thác, sử dụng thông tin phục vụ giải quyết TTHC.

- Một số TTHC (đặc biệt lĩnh vực đất đai) còn phức tạp, nhiều bước xác minh; thời gian thực tế kéo dài: do chưa tính đầy đủ các khoảng thời gian niêm

yết, xác định nghĩa vụ tài chính... gây khó khăn bảo đảm tiến độ trả kết quả đúng hạn.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa chưa đồng đều giữa các cơ quan: việc chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu còn chưa đồng đều.

- Vướng mắc về phạm vi thống kê/tích hợp DVCTT với Cổng DVC quốc gia: còn phát sinh tình huống “thống kê chưa phản ánh đúng phạm vi trách nhiệm” do có thủ tục thuộc ngành dọc, không thuộc thẩm quyền địa phương.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2026 (ĐỀ XUẤT THEO LĨNH VỰC VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHỤ TRÁCH)

1. Nhóm giải pháp về quản trị dữ liệu, công khai minh bạch và đánh giá chất lượng phục vụ

- Duy trì cơ chế theo dõi, đôn đốc đồng bộ/công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC; chuẩn hóa quy trình phối hợp kỹ thuật, kịp thời tiếp nhận và xử lý vướng mắc phát sinh.

- Tiếp tục thực hiện công khai hằng tháng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường chất lượng công khai theo hướng dễ tiếp cận, dễ tra cứu.

2. Nhóm giải pháp về số hóa – hồ sơ trực tuyến – thanh toán trực tuyến

- Nâng chất lượng số hóa và tái sử dụng dữ liệu số hóa theo đúng mục tiêu; tăng kiểm tra chất lượng dữ liệu số hóa, hạn chế số hóa hình thức, bảo đảm khả năng tái sử dụng giữa các khâu.

- Tiếp tục thúc đẩy thanh toán trực tuyến; rà soát nhóm TTHC có nghĩa vụ tài chính nhưng phát sinh thanh toán trực tuyến thấp để có giải pháp tăng tỷ lệ phát sinh giao dịch theo yêu cầu Kế hoạch số 41/KH-UBND.

3. Nhóm giải pháp về trách nhiệm giải trình và xử lý PAKN

- Nâng hiệu quả cơ chế tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý, theo dõi và công khai kết quả xử lý PAKN; bảo đảm đúng hạn, đúng quy định, tăng chất lượng phản hồi và mức độ hài lòng.

- Triển khai nhiệm vụ “trách nhiệm giải trình với người dân”: tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tại cơ sở; phối hợp MTTQ, HĐND, Thanh tra... để cải thiện chỉ số nội dung năm 2026.

4. Nhóm giải pháp theo yêu cầu mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (tỉnh - xã)

Tham mưu các nội dung phối hợp, đề xuất cấp có thẩm quyền hướng dẫn thống nhất quy trình, giải pháp kỹ thuật đối với việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên các hệ thống phần mềm tập trung (bảo đảm triển khai thông suốt khi chuyển đổi).

V. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và UBND cấp xã tăng cường phối hợp Văn phòng UBND tỉnh trong đồng bộ dữ liệu, công khai tiến độ/kết quả giải quyết hồ sơ, xử lý PAKN; bảo đảm số liệu phục vụ đánh giá theo thời gian thực.

- Kiến nghị các cơ quan Trung ương liên quan sớm có hướng dẫn thống nhất về giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ và phân công trách nhiệm khi triển khai hệ thống phần mềm tập trung (giảm nguy cơ thiếu đồng bộ).

Trên đây là báo cáo của Văn phòng UBND tỉnh gửi Sở Nội vụ tổng hợp về Kết quả công tác cải cách thủ tục hành chính năm 2025; kết quả phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức (theo Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 11/8/2025); trách nhiệm giải trình với người dân (theo Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 19/9/2025) và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp năm 2026./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, phòng, ban, trung tâm;
- Lưu: VT, nhtuy, “HT”.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Trường Sơn